

[ベトナム語]

HƯỚNG DẪN KHÁM NGOẠI TRÚ DÀNH CHO BỆNH NHÂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

外来診療のご案内



地方独立行政法人大阪府立病院機構
大阪急性期・総合医療センター

Osaka General Medical Center

Thời gian và nơi tiếp nhận đăng ký

受付時間・窓口

◆ Ngày khám : từ thứ hai đến thứ sáu

診察日 月曜日から金曜日まで

◆ Ngày nghỉ : thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày cuối năm và đầu năm
(29/12 – 3/1)

休診日 土曜日、日曜日、祝日、年末年始 (12/29–1/3)

	Thời gian tiếp nhận 受付窓口	Quầy tiếp nhận 受付時間
Khám lần đầu 初診	Quầy tiếp nhận khám lần đầu 初診窓口	8:30～11:00 ※Trường hợp đặt lịch hẹn sau 11 giờ thì sẽ được tiếp nhận bất cứ khi nào 11:00以降に予約が入っている場合は随時受付
Tái khám 再診	Máy đăng ký tái khám 自動再来受付機	8:20～17:30
Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu 急患のみ	Tiếp nhận tại Trung tâm cấp cứu 救命救急センター受付	Ngày thường từ 17giờ～9giờ ngày hôm sau Thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ từ 9giờ đến 9 giờ ngày hôm sau 平日の17:00～翌日9:00 土日祝日の9:00～翌日9:00

Thời gian tiếp nhận 受付窓口	Quầy tiếp nhận 受付時間
Quầy kiểm tra thẻ bảo hiểm 保険証確認	8:20～17:00 ※Sau 11 giờ hãy đến quầy tiếp nhận khám lần đầu. 11:00以降は初診窓口にお越しください。
Quầy tư vấn thông tin cho bệnh nhân 患者総合相談	9:00～17:00
Quầy tiếp nhận nhập viện 入院受付	8:30～17:15
Quầy cấp giấy chứng nhận 証明書発行	8:30～17:15
Quầy kế toán, Thanh toán phí 会計、料金収納	8:30～17:30
Phòng xét nghiệm máu trung tâm 中央採血室	Tiếp nhận (受付) 8:30～15:30 Kiểm tra (検査) 9:00～15:30

Lịch khám ngoại trú từng chuyên khoa

診療科別外来診療日

Khoa khám 診療科		Thứ hai 月曜日	Thứ ba 火曜日	Thứ tư 水曜日	Thứ năm 木曜日	Thứ sáu 金曜日
Khoa nội tổng hợp 総合内科	Sơ đồ tầng (Trang5-6) A16	○	○	○	○	○
Khoa nội hô hấp 呼吸器内科	Sơ đồ tầng (Trang5-6) A13	○	○	○	○	○
Khoa nội tiết-tiểu đường 糖尿病内分泌内科	Sơ đồ tầng (Trang5-6) A13	○	○	○	○	○
Khoa ung bướu-huyết học 血液・腫瘍内科	Sơ đồ tầng (Trang5-6) A13	/	Chỉ dành cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn	Buổi chiều chỉ khám cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn	/	Buổi chiều chỉ khám cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn
Khoa chấn thương chỉnh hình 整形外科	Sơ đồ tầng (Trang5-6) A14	○	○	○	○	○
Khoa miễn dịch-dị ứng-khớp 免疫リウマチ科	Sơ đồ tầng (Trang5-6) A14	○	○	○	○	○
Khoa nội tim mạch 心臓内科	Sơ đồ tầng (Trang5-6) A15	○	○	○	○	○
Khoa ngoại tim mạch 心臓血管外科	Sơ đồ tầng (Trang5-6) A15	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu
Khoa nội tiêu hóa 消化器内科	Sơ đồ tầng (Trang5-6) A16	○	○	○	○	○
Khoa mắt 眼科	Sơ đồ tầng (Trang7-8) A20	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○
Khoa nội tiết 泌尿器科	Sơ đồ tầng (Trang7-8) A21	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○
Khoa nội thận – cao huyết áp 腎臓・高血圧内科	Sơ đồ tầng (Trang7-8) A21	○	○	○	○	○
Khoa tâm thần 精神科	Sơ đồ tầng (Trang7-8) A22	Chỉ dành cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn				
Khoa ngoại tiêu hóa 消化器外科	Sơ đồ tầng (Trang7-8) A23	○	○	○	○	○
Khoa ngoại hô hấp 呼吸器外科	Sơ đồ tầng (Trang7-8) A23	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○
Khoa ngoại tuyến vú 乳腺外科	Sơ đồ tầng (Trang7-8) A23	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	/

- Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu : 急患のみ
- Chỉ dành cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn : 予約のみ
- Buổi sang/chiều chỉ khám cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn : 午前/午後のみ予約制

Lịch khám ngoại trú từng chuyên khoa

診療科別外来診療日

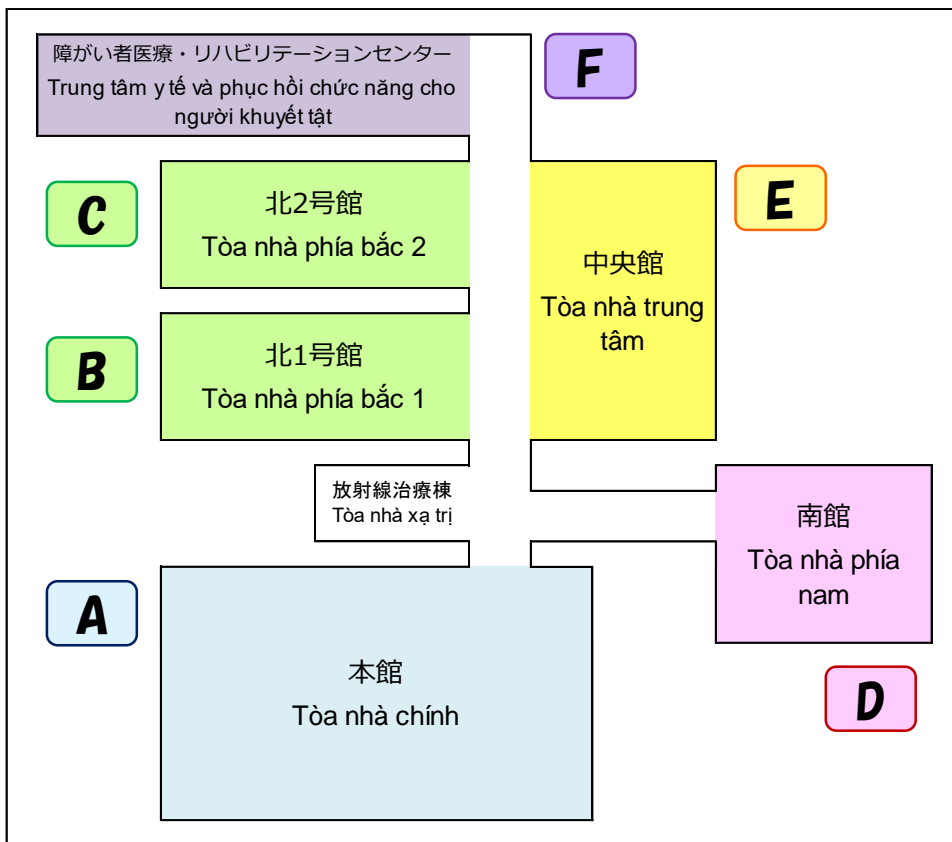
Khoa khám 診療科		Thứ hai 月曜日	Thứ ba 火曜日	Thứ tư 水曜日	Thứ năm 木曜日	Thứ sáu 金曜日
Khoa chăm sóc giảm nhẹ 緩和ケア科	Sơ đồ tầng (Trang 7-8) A23			Chỉ khám vào buổi chiều		
Khoa da liễu 皮膚科	Sơ đồ tầng (Trang 7-8) A23	Chỉ khám cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn			○	○
Khoa ngoại chỉnh hình 形成外科	Sơ đồ tầng (Trang 7-8) A23	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○
Khoa nội thần kinh não 脳神経内科	Sơ đồ tầng (Trang 7-8) A24	○	○	○	○	○
Khoa ngoại thần kinh não 脳神経外科	Sơ đồ tầng (Trang 7-8) A24	○	○	○	○	○
Khoa ngoại đầu cổ – tai mũi họng Chỉ khám vào buổi chiều 耳鼻咽喉・頭頸部外科	Sơ đồ tầng (Trang 7-8) A25	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	○
Khoa sản – phụ khoa 産科・婦人科	Sơ đồ tầng (Trang 5-6) D10	○	○	○	○	○
Khoa nhi – nhi sơ sinh 小児科・新生児科	Sơ đồ tầng (Trang 5-6) D11	○	○	○	○	○
Khoa ngoại nhi 小児外科	Sơ đồ tầng (Trang 5-6) D11	Chỉ khám vào buổi chiều	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu	Chỉ khám vào buổi chiều	Chỉ khám vào buổi sang	Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu
Trung tâm công nghệ phôi 生殖医療センター	Sơ đồ tầng (Trang 5-6) D10	○	○	○	○	○
Khoa răng – Khoa ngoại khoang miệng 歯科口腔外科	Sơ đồ tầng (Trang 7-8) C21	○	○	○	○	○
Khoa y học hạt nhân 放射線治療科	Tòa nhà xạ trị Tầng B1 放治棟B1階	○	○	○	○	○
Khoa phục hồi chức năng リハビリテーション科	Sơ đồ tầng (Trang 5-6) F10	Chỉ dành cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn				
Khoa khám ngoại trú cho người khuyết tật 障がい者外来	Sơ đồ tầng (Trang 5-6) F12	Chỉ dành cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn				
Khoa răng cho người khuyết tật 障がい者歯科	Sơ đồ tầng (Trang 7-8) C22	Chỉ dành cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn				

- Chỉ dành cho bệnh nhân cấp cứu : 急患のみ
- Chỉ khám vào buổi sang/chiều : 午前/午後のみ

- Chỉ dành cho bệnh nhân có đặt lịch hẹn : 予約のみ

Sơ đồ tầng

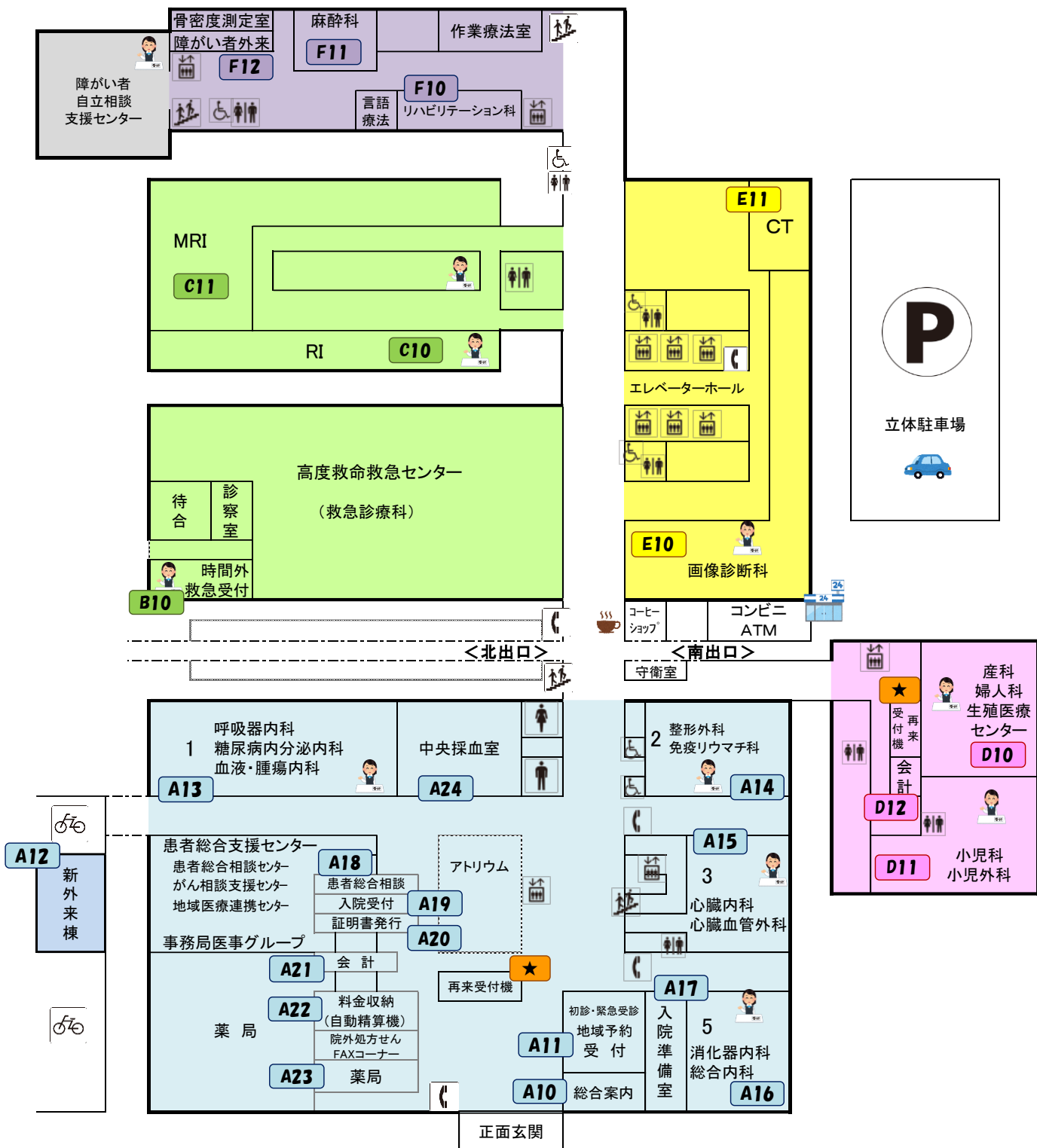
フロアマップ



		Tầng hầm lầu 1 地下1階	Lầu 1 1階	Lầu 2 2階
A	Tòa nhà chính 本館	Phòng tư vấn dinh dưỡng 栄養相談室	Khám ngoại trú 外来	Khám ngoại trú 外来
-	Tòa nhà xạ trị 放射線治療棟	Khoa xạ trị 放射線治療科		
B	Tòa nhà phía bắc 1 北1号館	Phòng chụp CT và chụp MRI サテライトCT/MRI	Trung tâm cấp cứu 救急診療科	Phòng lọc máu, Phòng xét nghiệm 人工透析室、検査
C	Tòa nhà phía bắc 2 北2号館		MRI, RI MRI、RI	Khám ngoại trú, PET 外来、PET
D	Tòa nhà phía nam 南館		Khám ngoại trú 外来	Trung tâm nội soi, Phòng hóa trị liệu 内視鏡センター、化学療法室
E	Tòa nhà trung tâm 中央館		Khoa chẩn đoán hình ảnh 画像診断科	Phòng xét nghiệm 検査
F	Trung tâm y tế và phục hồi chức năng cho người khuyết tật 障がい者医療・リハビリテーションセンター		Khám ngoại trú 外来	Phòng phục hồi chức năng リハビリテーション室

Sơ đồ tầng 1

1階フロアマップ



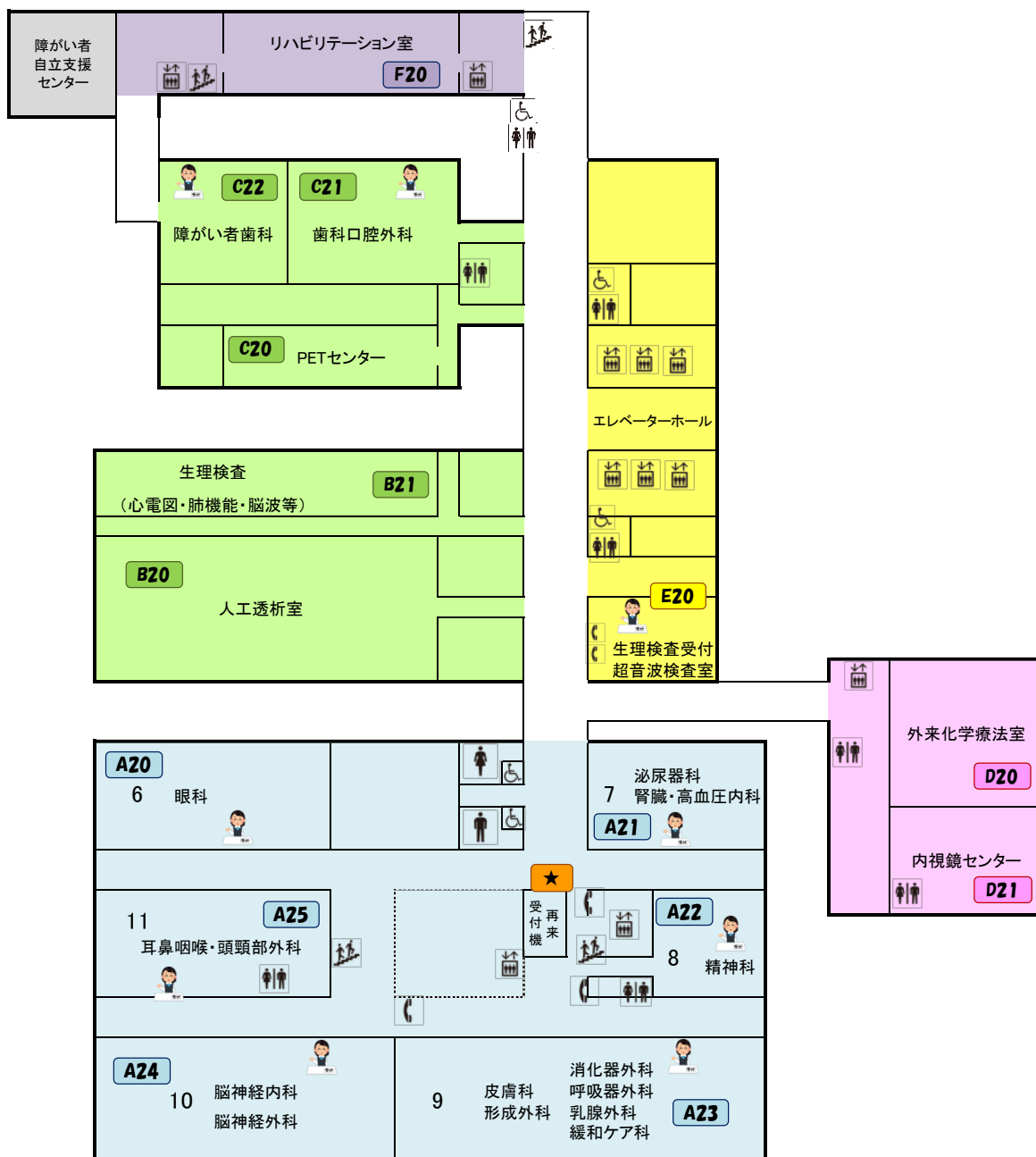
Sơ đồ tầng 1

1階フロアマップ

	No.	窓口・診療科	Thời gian tiếp nhận, Khoa khám
Tòa nhà chính 本館	A10	総合案内	Quầy cung cấp thông tin
	A11	初診受付	Quầy tiếp nhận khám lần đầu
	A13	①外来 呼吸器内科、糖尿病内分泌内科、血液・腫瘍内科	Khoa nội hô hấp, Khoa nội tiết-tiểu đường, Khoa ung bướu-huyết học
	A14	②外来 整形外科、免疫リウマチ科	Khoa chấn thương chỉnh hình, Khoa miễn dịch-dị ứng-khớp
	A15	③外来 心臓内科、心臓血管外科	Khoa nội tim mạch, Khoa ngoại tim mạch
	A16	⑤外来 消化器内科、総合内科	Khoa nội tiêu hóa Khoa nội tổng hợp
	A17	入院準備室	Phòng chuẩn bị nhập viện
	A18	患者総合相談	Quầy tư vấn thông tin cho bệnh nhân
	A19	入院受付	Quầy tiếp nhận nhập viện
	A20	証明書発行	Quầy cấp giấy chứng nhận
	A21	会計	Quầy kế toán
	A22	料金収納	Thanh toán phí
	A23	院内薬局	Nhà thuốc
	A24	中央採血室（採血、検尿）	Phòng xét nghiệm máu trung tâm(xét nghiệm máu, xét nghiệm nước tiểu)
Tòa nhà phía bắc 1 北1号館	B10	時間外救急受付	Tiếp nhận tại Trung tâm cấp cứu
Tòa nhà phía bắc 2 北2号館	C10	RI	RI
	C11	MRI	MRI
Tòa nhà phía nam 南館	D10	産科・婦人科 生殖医療センター	Khoa sản – phụ khoa Trung tâm công nghệ phôi
	D11	小児科・小児外科	Khoa nhi – khoa ngoại nhi
	D12	会計、料金収納	Quầy kế toán, Thanh toán phí
Tòa nhà trung tâm 中央館	E10	画像診断科	Khoa chẩn đoán hình ảnh
	E11	CT	CT
Trung tâm y tế và phục hồi chức năng cho người khuyết tật 障がい者医療・ リハビリテーションセンター	F10	リハビリテーション科	Khoa phục hồi chức năng
	F11	麻酔科	Khoa gây mê
	F12	障がい者外来	Khoa khám ngoại trú cho người khuyết tật
	★	自動再来受付機	Máy đăng ký tái khám

Sơ đồ tầng 2

2階フロアマップ



〈 Hướng dẫn bãi đậu xe 駐車場のご案内 〉

- Bãi đỗ xe nhiều tầng : 24 tiếng 立体駐車場 : 24時間
- Phí bãi đỗ xe : 1 tiếng 300 yên 基本料金 : 1時間300円
- Bệnh nhân khám ngoại trú : 1 ngày 1 lần 300 yên 外来患者さん : 1日1回300円
- Miễn phí đối với người có sổ người khuyết tật về tâm thần hoặc thân thể
身体・精神障害者手帳をお持ちの方は無料
- Phương pháp miễn giảm : Ngày thường từ 9:00~17:30 hãy xuất trình thẻ đỗ xe tại quầy kế toán hoặc quầy hướng dẫn chung. Vào buổi tối ngày nghỉ hãy xuất trình tại quầy tiếp nhận của Trung tâm cấp cứu hoặc tại phòng bảo vệ.
減免方法 : 平日9:00~17:30は会計窓口又は総合案内、夜間休日は救命救急センター受付又は守衛室で駐車券をご提示ください。

Sơ đồ tầng 2

2階フロアマップ

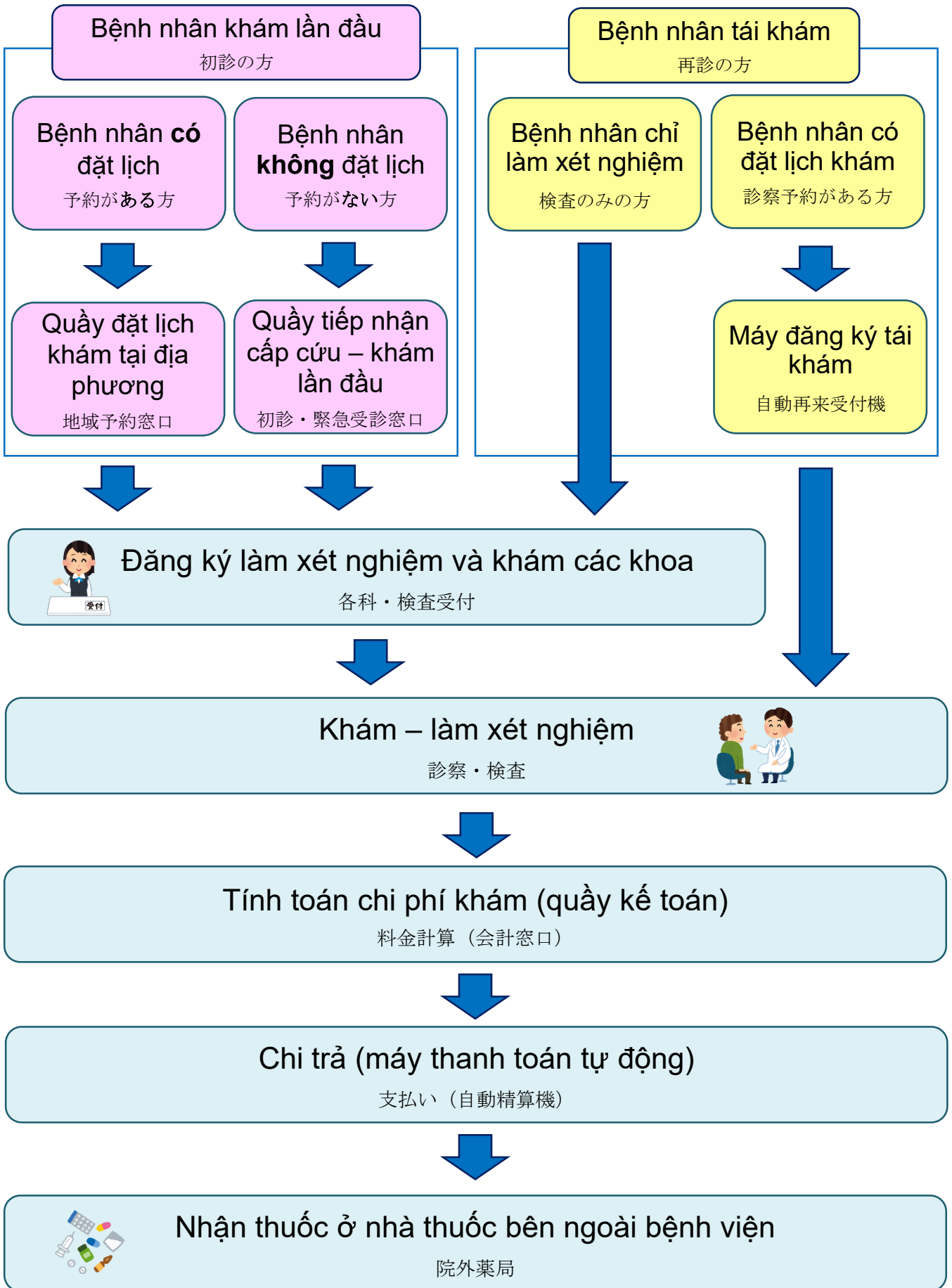
	No.	窓口・診療科	Thời gian tiếp nhận, Khoa khám
Tòa nhà chính 本館	A20	⑥外来 眼科	Khoa mắt
	A21	⑦外来 泌尿器科、腎臓・高血圧内科	Khoa nội tiết, Khoa nội thận – cao huyết áp
	A22	⑧外来 精神科	Khoa tâm thần
	A23	⑨外来 消化器外科、呼吸器外科、乳腺外科、緩和ケア科、皮膚科、形成外科	Khoa ngoại tiêu hóa, Khoa ngoại hô hấp, Khoa ngoại tuyến vú, Khoa chăm sóc giảm nhẹ, Khoa da liễu, Khoa ngoại chỉnh hình
	A24	⑩外来 脳神経内科、脳神経外科	Khoa nội thần kinh não, Khoa ngoại thần kinh não
	A25	⑪外来 耳鼻咽喉・頭頸部外科	Khoa ngoại đầu cổ – tai mũi họng Chỉ khám vào buổi chiều
Tòa nhà phía bắc 1 北1号館	B20	人工透析室	Phòng lọc máu
	B21	生理検査 (心電図、肺機能、脳波等)	Phòng xét nghiệm (Đo điện tim, Xét nghiệm chức năng phổi, Điện não đồ)
Tòa nhà phía bắc 2 北2号館	C20	PETセンター	Trung tâm PET
	C21	歯科口腔外科	Khoa răng – Khoa ngoại khoang miệng
	C22	障がい者歯科	Khoa răng cho người khuyết tật
Tòa nhà phía nam 南館	D20	外来化学療法室	Phòng hóa trị liệu
	D21	内視鏡センター	Trung tâm nội soi
Tòa nhà trung tâm 中央館	E20	生理検査受付、超音波検査	Quầy xét nghiệm, Phòng siêu âm
Trung tâm y tế và phục hồi chức năng cho người khuyết tật 障がい者医療・リハビリテーションセンター	F20	リハビリテーション室	Phòng phục hồi chức năng
	★	自動再来受付機	Máy đăng ký tái khám

〈Điểm lưu ý 注意事項〉

- Khoa xạ trị, phòng chụp CT và chụp MRI, phòng tư vấn dinh dưỡng tại tầng hầm lầu 1.
放射線治療科、サテライトCT・MRI、栄養相談室は、地下1階にあります。

Quy trình thăm khám

受診の流れ



Quy trình khám lần đầu

初診の流れ

Trước khi đến bệnh viện

ご来院の前に

◆ Hãy chuẩn bị thư giới thiệu (bản cung cấp thông tin y tế)

紹介状 (診療情報提供書) をご用意ください

- Khi đến khám lần đầu, theo nguyên tắc, phải có thư giới thiệu của tổ chức y tế địa phương.

初診時には、原則、地域の医療機関からの紹介状が必要です。

◆ Vui lòng đặt lịch trước khi đến khám 事前予約をお願いします

- Nếu bộ phận liên kết y tế địa phương của bệnh viện chúng tôi nhận được yêu cầu của tổ chức y tế nơi giới thiệu, có khả năng có thể đặt trước lịch (liên hệ đặt lịch của tổ chức y tế địa phương) khám và xét nghiệm. Chúng tôi chỉ nhận đặt lịch hẹn từ tổ chức y tế địa phương, không nhận đăng ký đặt lịch từ cá nhân bệnh nhân.

紹介元の医療機関から、当センターの地域医療連携室にご依頼いただければ、事前に診察や検査の予約(地域予約)が可能です。予約は医療機関からのみ受け付けており、個人の方からの予約はできません。

◆ Về vấn đề khám không có giấy giới thiệu 紹介状なしでの受診について

- Trường hợp đến khám lần đầu mà không có giấy giới thiệu, thì ngoài chi phí khám thông thường bệnh nhân phải trả thêm 5.500 yên (bao gồm thuế) phí đăng ký khám lần đầu.

紹介状なく初診で受診される場合、通常の診療費とは別に選定療養費5,500円(税込)を頂いております。

• Phí đăng ký khám lần đầu là gì?

選定療養費とは？

→ Đây là khoản phí mà bệnh nhân đến khám lần đầu phải thanh toán trong trường hợp không có mang theo giấy giới thiệu và đăng ký khám ở bệnh viện có trên 200 giường bệnh. Chính sách này được Bộ Y tế-Lao động-Phúc lợi xã hội quy định nhằm thúc đẩy phân chia chức năng và tạo mối liên kết giữa các tổ chức y tế.

初診の患者さんが、紹介状なしで200床以上の病院を受診された場合にかかる費用です。これは医療機関の連携と機能分化を推進するために厚生労働省が定めた制度です。

Bệnh nhân

患者



Bệnh nhân khám lần đầu không mang theo giấy giới thiệu, thì phải trả phí khám lần đầu.

紹介状をお持ちでない初診患者さんは、選定療養費を払わないといけません。

Phòng khám

クリニック



Trường hợp nhẹ và không khẩn cấp
軽症、緊急性がない場合

Bệnh viện trên 200 giường

200床以上の病院



Trường hợp cần phải xét nghiệm và điều trị chuyên sâu
専門的な検査や治療が必要な場合

- Vì phải ưu tiên cho bệnh nhân có đặt lịch khám và có mang theo giấy giới thiệu, nên sẽ mất nhiều thời gian chờ đến lượt khám.

紹介状や予約のある患者さんが優先となりますので、待ち時間が長くなります。

- Vẫn có trường hợp không được khám, với lý do là chỉ khám bệnh nhân có đặt lịch hẹn hoặc là do trùng vào ngày phẫu thuật v.v...

予約制や手術日などの理由より、受診できない場合があります。

Quy trình khám lần đầu

初診の流れ

Các giấy tờ cần mang theo 持参物

- Thẻ bảo hiểm : 健康保険証
 - Giấy chứng nhận y tế các loại : 各種医療証
 - Giấy giới thiệu : 紹介状
 - Phiếu hẹn : 予約票
 - Đĩa CD-R, kết quả xét nghiệm : CD-R、検査結果
 - Sổ thuốc : お薬手帳
- ※ Nếu có : お持ちの方のみ
- ※ Nếu có : お持ちの方のみ
- ※ Nếu có : お持ちの方のみ
- ※ Nếu có : お持ちの方のみ
- ※ Có trường hợp kiểm tra bản gốc giấy tờ tùy thân (thẻ lưu trú, hộ chiếu) để xác minh nhân thân. 本人確認のため、身分証明書原本 (在留カード、パスポート) を拝見することがあります。
- ※ Trường hợp có mang theo các thông tin khám điều trị ở nước ngoài, vui lòng mang theo các bản đã được dịch sang tiếng Nhật. 海外での診療情報を持参される場合、日本語に翻訳済のものをご持参ください。



Quy trình đăng ký khám 受付の流れ

1. Hãy lấy phiếu có in số tiếp nhận tại máy phát phiếu tự động của quầy đăng ký khám lần đầu. Đối với bệnh nhân đến khám không có lịch hẹn và không có thẻ khám, vui lòng điền vào phiếu đăng ký khám.

初診窓口にある発券機で受付票をお取りください。予約なしの受診で診察券をお持ちでない方は、診察申込書をご記入ください。

2. Khi số thứ tự có trên phiếu hiện lên trên màn hình, hãy đến quầy tiếp nhận. Và vui lòng xuất trình thẻ bảo hiểm (giấy chứng nhận y tế), giấy giới thiệu v.v...

受付番号がモニターに表示されたら、窓口にお越しください。保険証、医療証、紹介状等をご提示ください。

3. Sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, bệnh nhân sẽ được nhận thẻ khám và bì đựng hồ sơ. Hãy nộp cho quầy tiếp nhận tại khoa đăng ký khám.

手続き終了後、診察券とクリアファイルをお渡しします。受診される診療科の受付でご提示ください。

4. Khi điền xong phiếu thăm hỏi tình trạng sức khỏe, hãy nộp phiếu cho quầy tiếp nhận của khoa khám và vui lòng chờ đến khi số thứ tự đăng ký hiện lên trên màn hình.

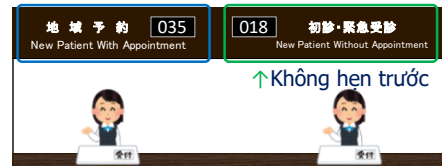
問診票の記入が終わりましたら、診療科の受付に問診票を提出し、受付番号がモニターに表示されるまで待合でお待ちください。

Nên vui lòng nhấn vào nút



- ① Có giấy giới thiệu`・ có hẹn trước
- ② Không hẹn trước
- ③ Xác nhận thẻ bảo hiểm
- ④ Khác

↓ Có giấy giới thiệu`・ có hẹn trước



■ 診察状況				
診察室	医師	診察中	診察待ち	診察状況
診療室2	経禮火曜日	D095	D098 E103 F042	
診療室3	婦人科火曜		A044 G003	
診療室1	〇〇	F055		30分待ち
診療室2	△△		E080	
診療室3	産科婦人科			



Quy trình đăng ký tái khám

再診の流れ

Quy trình đăng ký khám

受付の流れ



1. Hãy cho thẻ khám vào máy đăng ký tái khám.

診察券を自動再来受付機に入れてください。



Hãy cho thẻ khám vào



2. Vì tên khoa đã đặt lịch khám và mục xác nhận đã đến viện sẽ được hiển thị lên màn hình bằng chữ màu xanh, nên vui lòng nhấn vào nút "xác nhận" ("確認"). Còn đối với người không có lịch hẹn khám, hãy nhấn vào khoa muốn khám và nút "xác nhận" ("確認").

受診予約のある診療科名と到着確認が青字で表示されますので、「確認」をタッチしてください。予約のない方は、受診希望診療科と「確認」をタッチしてください。



Nên vui lòng nhấn vào nút

3. Máy sẽ trả lại thẻ khám và in ra giấy tiếp nhận khám.

診察券と受付票が出てきます。



Số đăng ký

4. Đối với người có đặt lịch khám, hãy đến khu vực chờ của khoa đăng ký khám, và vui lòng chờ tại đây đến khi mã số đăng ký hiển thị trên màn hình. Đối với người không có lịch hẹn, hãy đến quầy tiếp nhận bệnh nhân của khoa đăng ký khám.

予約のある方は、受診する診療科の待合にお越しいただき、受付番号がモニターに表示されるまで待合でお待ちください。予約のない方

は、

受診する診療科の受付にお越しください。

■ 診察状況				
診察室	医師	診察中	診察待ち	診察状況
産婦人2	妊健火曜日	D095	D096 E103 F042	
産婦人3	婦人科火曜		A044 G003	
産婦人1	〇〇	F055		30分待ち
産婦人2	△△		E080	
産婦人3	産科婦人科			



Đăng Khám

Đăng chờ Khám



< Một số điểm cần lưu ý : 注意事項 >

- Trường hợp thẻ bị trả lại mà không thể làm thủ tục khám được, hãy đến quầy đăng ký khám lần đầu ở lầu 1 tòa nhà chính.

手続きができずに診察券が返ってきた場合は、本館1階の初診窓口にお越しください。

- Vui lòng trình thẻ bảo hiểm tại quầy kiểm tra thẻ bảo hiểm ở lầu 1 tòa nhà chính trước khi khám vào ngày khám đầu tiên của mỗi tháng.

保険証は、毎月第1回目の受診日の診察前に本館1階の保険証確認窓口へご提出ください。

- Đối với bệnh nhân chỉ đến để làm xét nghiệm (lấy máu, chụp X quang, siêu âm, đo điện tim, v.v...), không phải đăng ký tại máy tái khám mà đi thẳng đến quầy tiếp nhận của các phòng xét nghiệm.

検査(採血、レントゲン、超音波、心電図など)のみを受けられる患者さんは、自動再来受付機を通さずに各検査室の受付にお越しください。

Quy trình sau khi khám xong

診察後の流れ

Tính toán chi phí và việc thanh toán

料金計算とお支払い



1. Nếu việc khám, xét nghiệm v.v... của ngày hôm đó đã hoàn tất xong, cần phải đến quầy kế toán (Bao gồm cả người không có các khoản phí cá nhân phải trả, người không được cấp thuốc, người không có lịch hẹn cho lần sau)

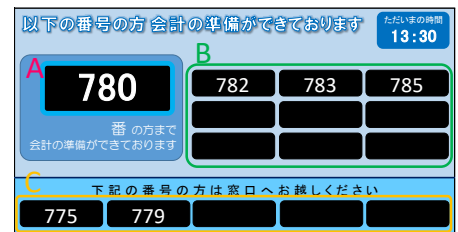
その日の診察、検査等が全て終わりましたら、必ず会計窓口にお越しください。(自己負担額のない方、お薬のない方、次回の予約がない方を含みます。)



↓ Quý khách có đến số hiệu A và số hiệu B có thể đến thanh toán.

2. Hãy trình cho quầy kế toán bì đựng hồ sơ màu đỏ mà đã nhận tại quầy tiếp nhận khám ngoại trú của khoa đăng ký khám. Sẽ được nhận mã số thanh toán, nên hãy chờ đến khi mã số này hiển thị lên trên màn hình.

受診科外来受付でお渡しした赤色のクリアファイルを、会計窓口へご提出ください。会計番号をお渡しますので、会計番号がモニターに表示されるまで、お待ちください。



↑ Quý khách có số hiệu C, hãy đến quầy tiếp tân.

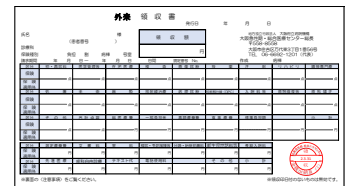
3. Nếu mã số thanh toán được hiển thị, hãy đến thanh toán phí khám tại máy thanh toán tự động. Ngoài tiền mặt ra, cũng có thể sử dụng thẻ tín dụng để thanh toán.

会計番号が表示されましたら、自動精算機にて、診療費をお支払いください。現金の他、クレジットカードもご利用いただけます。



4. Khi hoàn tất việc thanh toán, hóa đơn (phiếu chi tiết chi phí y tế) sẽ được in ra.

お支払いを済まされますと、領収書(診療費明細書)が発行されます。



Về việc cấp phát thuốc

お薬について



Tại Trung tâm chúng tôi, ngoại trừ một bộ phận bệnh nhân, mọi người sẽ được cấp "toa thuốc nhận thuốc bên ngoài bệnh viện". Trong vòng 4 ngày kể từ ngày được cấp, hãy mang "toa thuốc nhận thuốc bên ngoài bệnh viện" đến nhà thuốc được chỉ định theo luật bảo hiểm, và nhận thuốc. Toa thuốc quá 4 ngày sẽ không còn hiệu lực, cần phải xin lại toa thuốc. Hãy lưu ý, khi xin lại toa thuốc, sẽ phát sinh phí riêng.

当センターでは、一部の方を除き「院外処方せん」を発行しております。発行日を含めて4日以内に保険薬局へ「院外処方せん」を持参の上、薬をお受け取りください。処方せんは、4日を過ぎると無効となり、再処方が必要となります。再処方の際は、別途料金が発生しますので、ご注意ください。

Dịch vụ phiên dịch y tế

医療通訳サービス

Trung tâm chúng tôi đang thực hiện dịch vụ cung cấp phiên dịch y tế, nhằm tạo thuận lợi cho việc trao đổi giữa nhân viên y tế và bệnh nhân người nước ngoài.

当センターでは、外国人患者さんと医療スタッフとのコミュニケーションを円滑にするため、医療通訳サービスを提供しています。

	Dịch trực tiếp 対面通訳 	Dịch qua điện thoại 電話通訳 
Ngôn ngữ hỗ trợ 対応言語	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn – tiếng Triều Tiên, tiếng Việt nam, tiếng Tagalog, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Thái, tiếng Hindu, tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý v.v... 英語、中国語、韓国・朝鮮語、ベトナム語、タガログ語、ネパール語、インドネシア語、タイ語、ヒンディー語、ロシア語、スペイン語、ポルトガル語、フランス語、ドイツ語、イタリア語 など	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn – tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Việt nam, tiếng Tagalog v.v... 英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語、ポルトガル語、ベトナム語、タガログ語 など
Thời gian hỗ trợ 対応時間	Ngày thường từ 9:00~17:30 平日の9:00~17:30	24 tiếng 365 ngày 24時間365日
Phương pháp sử dụng 利用方法	Đặt lịch muộn nhất là 2 ngày trước đó. 2日前までの事前予約制 【Bệnh nhân khám lần đầu】 Hãy báo khi đăng ký đặt lịch. 【Bệnh nhân tái khám】 Hãy đăng ký tại quầy hướng dẫn hoặc khu khám ngoại trú. 【初診の方】 予約時にお申し出ください。 【再診の方】 外来又は総合案内でお申し出ください。	Không cần đặt lịch 予約不要 Hãy đăng ký tại quầy hướng dẫn hoặc tại khu khám ngoại trú, khoa điều trị bệnh. 外来、病棟又は総合案内でお申し出ください。
Chi phí 料金	Miễn phí 無料	Miễn phí 無料

※ Mặc dù bệnh nhân có sắp xếp phiên dịch hoặc có người đi cùng biết tiếng Nhật và tiếng nước ngoài, nhưng có trường hợp phải sử dụng phiên dịch viên y tế của Trung tâm sắp xếp theo nhận định của Trung tâm, nhằm truyền đạt thông tin một cách chính xác với vai trò mang tính trung lập, đồng thời cũng nhằm đề phòng tình trạng dịch sai do không đủ kiến thức y tế v.v...

患者さんが手配した通訳者や日本語と外国語がわかる同行者がいたとしても、医療知識の不足等による誤訳を防ぐとともに、中立的な立場で正しく情報を伝えるために、当センターの判断により当センターが手配した医療通訳者を利用していただくことがあります。

Các câu hỏi thường gặp

よくあるご質問



Q. Trường hợp quên hoặc không có thẻ bảo hiểm

保険証等を忘れました/持っていません。

A. Cần phải mang theo thẻ bảo hiểm và giấy chứng nhận y tế. Trường hợp không mang theo thì phải tự chi trả toàn bộ chi phí khám bệnh.

保険証や医療証は必ずご持参ください。お持ちでない場合は自費扱いとなります。



Q. Bị mất thẻ khám

診察券をなくしました。

A. Hãy mang theo thẻ bảo hiểm và báo cho quầy tiếp nhận khám lần đầu. Có thể được cấp lại miễn phí.

保険証をご持参の上、初診窓口でお申し出ください。無料で再発行できます。



Q. Có thể xin phiếu chẩn đoán được không?

診断書を書いてもらえますか。

A. Hãy đăng ký tại quầy cấp giấy chứng nhận. Phải trả phí khi xin phiếu chẩn đoán.

証明書発行窓口でお申し出ください。診断書は有料です。



Q. Có thể thay đổi lịch hẹn được không?

予約は変更できますか。

A. Vui lòng liên lạc với bệnh viện bằng điện thoại hoặc email. Khi đến khám, bệnh viện sẽ cần biết tên và mã số ID của anh(chị), nên hãy chuẩn bị sẵn thẻ khám bệnh của anh(chị).

※Trường hợp anh(chị) muốn trao đổi với bệnh viện bằng ngôn ngữ khác không phải tiếng Nhật, vui lòng gửi email đến bệnh viện.

E-mail : kyuseisogo@opho.jp

TEL : 06-6692-1201 (chỉ giải đáp bằng tiếng Nhật, Ngày thường từ 14 giờ đến 16 giờ)

お電話又はメールでご連絡ください。

お名前とID番号が必要です。お手元に診察券をご用意ください。

※日本語以外でのお問合せは、メールをお願いします。

E-mail : kyuseisogo@opho.jp TEL : 06-6692-1201 (日本語のみ、平日の14:00~16:00)



Q. Đã thay đổi địa chỉ nhà, họ tên, số điện thoại liên lạc.

住所/氏名/連絡先が変わりました。

A. Hãy báo cho quầy tiếp nhận khám lần đầu.

初診窓口でお申し出ください。



Để phòng ngừa dịch cúm do vi-rút Corona chúng mới lây lan trên diện rộng, rất mong sự hợp tác của quý anh(chị).

新型コロナウイルス等の感染拡大防止のため、
ご協力をお願いします。



Đeo khẩu trang
マスクの着用



Khử trùng tay
手指消毒



Duy trì giãn cách xã hội
距離をとる



**Không tập trung trò
chuyện thăm hỏi**
面会禁止



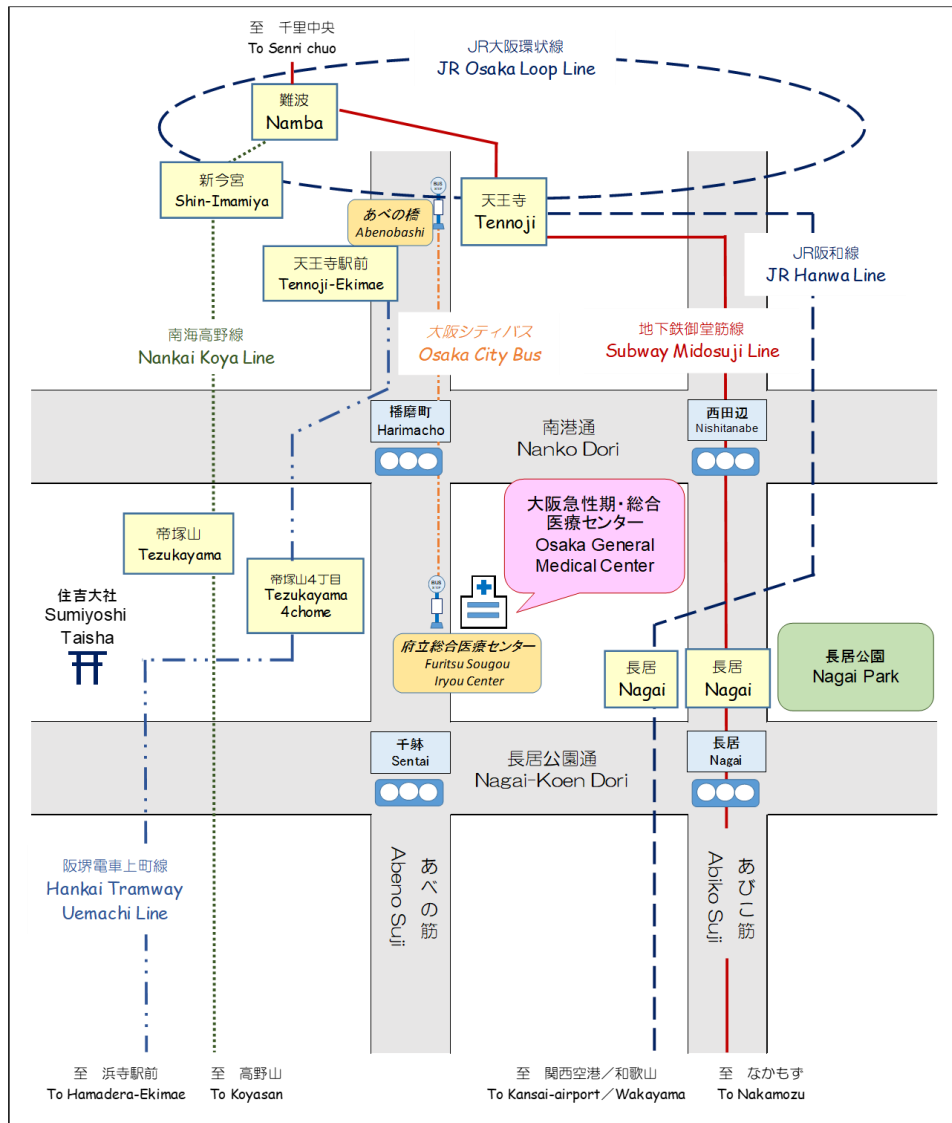
Kiểm tra thân nhiệt
検温

Những bệnh nhân có những triệu chứng
như ho, phát sốt (trên 37.5 độ C) vui lòng
thông báo với quầy tiếp tân.
発熱 (37.5°C以上) や咳などの症状がある患者さんは、
受付へお声がけください。



Hướng dẫn cách đi

アクセス



【Xe buýt / バス】

- Hãy lên một trong những tuyến xe như tuyến đi Asaka hay tuyến xe đi Orionobashi hay tuyến xe buýt Abenobashi Osaka City Bus (đậu trước ga Tennouji) đi đến trước bãi đỗ xe Sumiyoshi. Xuống xe tại Trung tâm y tế đa khoa Furitsu.

大阪シティーバスあべの橋(天王寺駅前)より住吉車庫前、浅香、おりおの橋行きのいずれかに乗車。府立総合医療センター下車。

【Tàu điện / 電車】

- Tuyến tàu JR Hanwa đến ga Nagai đi bộ vào 18 phút. JR阪和線 長居駅より徒歩18分。
- Tuyến tàu điện ngầm Midousuji đến ga Nagai đi bộ vào 20 phút. 地下鉄御堂筋線 長居駅より徒歩20分。
- Tuyến tàu Kouya đến ga Tezukayama đi bộ vào 15 phút. 南海高野線 帝塚山駅より徒歩15分。
- Tàu điện Hankai tuyến Uemachi đến ga Tezukayama 4 chome đi bộ vào 10 phút.

阪堺電車上町線 帝塚山4丁目駅より徒歩10分。



地方独立行政法人大阪府立病院機構
大阪急性期・総合医療センター
Osaka Prefectural Hospital Organization
Osaka General Medical Center

〒558-8558 大阪府大阪市住吉区万代東3-1-56
3-1-56 Bandai-higashi, Sumiyoshi-ku, Osaka, 558-8558 Japan
Phone : 06-6692-1201 (Japanese only)/ Chỉ giải đáp bằng tiếng Nhật
FAX : 06-6606-7000 E-mail : kyuseisogo@opho.jp
Website : <https://www.gh.opho.jp>

※ Trường hợp anh(chị) muốn trao đổi với bệnh viện bằng ngôn ngữ khác không phải tiếng Nhật, vui lòng gửi email đến bệnh viện.
日本語以外でのお問合せは、メールをお願いします。